

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023

Kính gửi: Sở Nội vụ tỉnh Thừa Thiên Huế

Thực hiện Công văn số 188/SNV-CCHC ngày 24/02/2022 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn thực hiện chế độ báo cáo định kỳ cải cách hành chính (CCHC), UBND huyện báo cáo tình hình thực hiện công tác CCHC 6 tháng đầu năm 2023, cụ thể như sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CCHC

1. Về kế hoạch CCHC

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 203/KH-UBND ngày 28/12/2022 về CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh huyện Quảng Điền năm 2023. Tại kế hoạch UBND huyện xác định 33 nhiệm vụ trọng tâm trong 06 lĩnh vực của công tác CCHC, trong 6 tháng đầu năm đã thực hiện 13 nhiệm vụ, các nhiệm vụ khác sẽ được thực hiện hoàn thành trong năm. Được sự quan tâm, chỉ đạo sâu sát của các cấp, sự chủ động tham mưu của các cơ quan, đơn vị, địa phương, UBND huyện đã triển khai thực hiện khá nghiêm túc và hoàn thành cơ bản những nhiệm vụ đã đề ra trong 6 tháng đầu năm 2023.

2. Văn bản đã ban hành chỉ đạo, điều hành triển khai công tác CCHC

Năm 2023, UBND huyện xác định công tác CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh. Theo đó, ngay từ đầu năm UBND huyện đã ban hành văn bản chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực công tác CCHC theo định hướng của tỉnh và đặc điểm cụ thể của địa phương để triển khai thực hiện.

Bên cạnh đó, UBND huyện đã tổ chức hội nghị triển khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2023, trong đó đã triển khai các văn bản chỉ đạo, điều hành trọng tâm trong công tác CCHC năm 2023; hội nghị chuyên đề tổng kết công tác CCHC năm 2022 và triển khai phương hướng nhiệm vụ năm 2023; ban hành Công văn số 185/UBND ngày 09/02/2023 chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan khắc phục các tiêu chí mất điểm trong đánh giá, xếp loại công tác CCHC năm 2022 của huyện; quyết định thành lập Ban Chỉ đạo CCHC huyện Quảng Điền để giúp UBND huyện thực hiện toàn diện các nhiệm vụ CCHC tại địa phương.

3. Về kiểm tra CCHC

UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 10/01/2023 về kiểm tra công tác CCHC năm 2023, theo đó UBND huyện xác định trong năm 2023 sẽ tiến hành kiểm tra CCHC đối với 04 xã và 04 phòng chuyên môn cấp huyện; việc kiểm tra sẽ được thực hiện trong Quý III năm 2023. Đồng thời, cũng đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 10/01/2023 về việc kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở năm 2023.

4. Về công tác tuyên truyền CCHC

- Tiếp tục triển khai thực hiện Kế hoạch số 13/KH-UBND ngày 10/01/2023 về tuyên truyền CCHC năm 2023, theo đó UBND huyện đã thường xuyên chỉ đạo Trung tâm Văn hóa - Thông tin và Thể thao huyện phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan và UBND các xã, thị trấn tổ chức tuyên truyền, phổ biến về chương trình CCHC nhằm nâng cao nhận thức về CCHC cho toàn thể cán bộ, công chức, viên chức và người dân về ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác CCHC đối với sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của huyện; phát hiện, nhân rộng các gương tiêu biểu, cách làm hay trong triển khai thực hiện công tác CCHC. Đồng thời, trong thời gian qua đã tập trung tuyên truyền nội dung của Hội thi tìm hiểu công tác CCHC trong CBCCVN giai đoạn 2021 - 2025. Trong 6 tháng đầu năm, đã tuyên truyền 40 tin, 17 bài trên hệ thống Đài truyền thanh huyện.

- Chỉ đạo Ban biên tập Trang thông tin điện tử huyện, Ban biên tập Trang thông tin các xã, thị trấn duy trì và nâng cao chất lượng các chuyên trang, chuyên mục CCHC. Trong 6 tháng đầu năm, Trang thông tin điện tử huyện đã đăng tải 42 tin, bài tuyên truyền về CCHC. Đồng thời, tích cực sử dụng các kênh thông tin, truyền thông khác để tuyên truyền công tác CCHC.

5. Kết quả thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh giao

Trong 6 tháng đầu năm 2023, UBND tỉnh giao cho UBND huyện 114 ý kiến chỉ đạo, kết quả UBND huyện đã hoàn thành 103 ý kiến chỉ đạo đúng hạn, đạt tỷ lệ 90,3%; 05 ý kiến chỉ đạo hoàn thành nhưng quá hạn; 06 ý kiến chỉ đạo quá hạn nhưng chưa hoàn thành.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CCHC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

1. Cải cách thể chế

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 06/KH-UBND ngày 09/01/2023 về xây dựng văn bản quy phạm pháp luật (VBQPPL) trên địa bàn huyện Quảng Điền năm 2023. Công tác xây dựng và ban hành VBQPPL của HĐND, UBND huyện và các xã, thị trấn trên địa bàn được thực hiện chặt chẽ, đảm bảo đúng quy trình, thủ tục theo quy định của Luật ban hành VBQPPL ngày 22/6/2015, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật ban hành VBQPPL ngày 18/06/2020 và Nghị định số

34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ. Trong 6 tháng đầu năm 2023, HĐND huyện ban hành 02 VBQPPL, UBND huyện ban hành 05 VBQPPL; HĐND các xã, thị trấn ban hành 11 VBQPPL.

- Công tác kiểm tra, rà soát VBQPPL tiếp tục được triển khai thực hiện nghiêm túc theo đúng tinh thần Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 201/KH-UBND ngày 22/12/2022 về rà soát VBQPPL năm 2023. Trong 6 tháng đầu năm, đã chỉ đạo Phòng Tư pháp phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành rà soát, thẩm định các VBQPPL do HĐND và UBND huyện ban hành, theo đó đã rà soát 07 VBQPPL; qua rà soát cho thấy, các văn bản được ban hành đều đảm bảo theo đúng quy định. Đồng thời, đã ban hành Quyết định số 104/QĐ-UBND ngày 17/01/2023 về công bố kết quả rà soát, hệ thống hóa VBQPPL của HĐND, UBND huyện Quảng Điền năm 2022.

- Để theo dõi tình hình thi hành và tuyên truyền, phổ biến pháp luật tại địa phương, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 11/KH-UBND ngày 10/01/2023 về phổ biến, giáo dục pháp luật trên địa bàn huyện năm 2023, Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 12/01/2023 về theo dõi tình hình thi hành pháp luật trên địa bàn huyện năm 2023.

2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

- Tiếp tục thực hiện Kế hoạch số 04/KH-UBND ngày 09/01/2023 về rà soát, đánh giá TTHC năm 2023 trên địa bàn huyện; Kế hoạch số 05/KH-UBND ngày 09/01/2023 về kiểm soát TTHC năm 2023 trên địa bàn huyện. Chỉ đạo Văn phòng HĐND và UBND huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tiến hành rà soát danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết; chỉ đạo UBND các xã, thị trấn nghiêm túc tổ chức thực hiện các hoạt động rà soát, đơn giản hóa các TTHC.

- Chỉ đạo các xã, thị trấn, Ban biên tập Trang thông tin điện tử huyện nghiêm yết công khai các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND tỉnh, UBND huyện, UBND xã trên Trang thông tin điện tử của địa phương, niêm yết tại nơi giải quyết TTHC; cập nhật, cấu hình điện tử các TTHC trên phần mềm Xử lý dịch vụ công tập trung; chỉ đạo đảm bảo 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện, UBND xã được tiếp nhận, xử lý, trả kết quả thông qua phần mềm Xử lý dịch vụ công tập trung; công khai đầy đủ các khoản phí, lệ phí theo quy định. Từ đầu năm đến nay, Trung tâm Hành chính công huyện đã tiếp nhận 3638 hồ sơ (trực tuyến: 1496 hồ sơ; truyền thống: 2143 hồ sơ) đã giải quyết: 3205 hồ sơ, trong đó: trước hạn và đúng hạn 3172 hồ sơ (98%), trễ hạn 33 hồ sơ; đang giải quyết: 433 hồ sơ, trong đó: chưa đến hạn 422 hồ sơ, đã quá hạn 11 hồ sơ. 100% hồ sơ đã được số hóa đầu vào và đầu ra; Trung tâm Hành chính công huyện và Bộ phận tiếp

nhận và trả kết quả hiện đại các xã, thị trấn đã thực hiện khá nghiêm túc việc khảo sát, lấy ý kiến mức độ hài lòng của người dân đối với việc giải quyết TTHC của cán bộ, công chức.

- Kịp thời củng cố, kiện toàn nhân sự, ban hành quy chế hoạt động của Trung tâm Hành chính công và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã, từ đó đã đi vào hoạt động có nề nếp; đồng thời, từng bước trang cấp trang thiết bị đảm bảo sử dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh để giải quyết TTHC cho tổ chức, công dân đạt hiệu quả. Bên cạnh đó, chế độ chính sách của cán bộ, công chức, viên chức làm việc tại Trung tâm Hành chính công huyện và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại cấp xã đã được thực hiện đầy đủ theo Quyết định số 24/2017/QĐ-UBND ngày 04/5/2017 của UBND tỉnh.

- Tiếp tục chỉ đạo UBND các xã, thị trấn, Trung tâm Hành chính công huyện thực hiện tốt Nghị định số 20/2008/NĐ-CP ngày 14/2/2008 của Chính phủ về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính và Quyết định số 43/2018/QĐ-UBND ngày 09/08/2018 của UBND tỉnh ban hành quy định về tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh và Chủ tịch UBND tỉnh, cụ thể: Trung tâm Hành chính công huyện và UBND các xã, thị trấn đã niêm yết công khai các thông tin về địa chỉ, email, số điện thoại của cơ quan tiếp nhận, xử lý phản ánh, khiếu nại trên Trang thông tin điện tử và nơi giải quyết TTHC để cá nhân, tổ chức kịp thời phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính. Trong 6 tháng đầu năm, UBND huyện không nhận được bất cứ phản ánh nào liên quan đến quy định hành chính.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

- Trong 6 tháng đầu năm 2023, UBND huyện đã ban hành quyết định về quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu, quyền hạn và tổ chức của: Phòng Văn hóa và Thông tin, Văn phòng HĐND và UBND huyện, Phòng Lao động, Thương binh và Xã hội, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Giáo dục và Đào tạo.

- UBND huyện đã quyết định thành lập, củng cố, kiện toàn 77 Ban chỉ đạo, Hội đồng, Đoàn thể triển khai thực hiện các chức năng, nhiệm vụ chính trị tại địa phương.

- Tiếp tục triển khai thực hiện Đề án tinh giản biên chế theo Nghị định số 108/2014/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, trong 6 tháng đầu năm 2023 đã tinh giản 02 công chức cấp xã và 01 viên chức sự nghiệp giáo dục.

- Tình hình quản lý, sử dụng biên chế công chức, viên chức đảm bảo theo chỉ tiêu biên chế được giao.

- Kết quả thực hiện các quy định về phân cấp quản lý nhà nước giữa cấp tỉnh cho cấp huyện đã được thực hiện tốt, đảm bảo theo quy định của pháp luật.

4. Cải cách công vụ

- Tiếp tục quan tâm đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn, ngay từ đầu năm, UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 30/KH-UBND ngày 30/01/2023 về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức năm 2023. Trong 6 tháng đầu năm, UBND huyện đã cử 31 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng; trong đó: bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp phòng 05; quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính 11; quản lý nhà nước ngạch chuyên viên 06; nghiệp vụ văn thư, lưu trữ 06; phân cấp quản lý 12. Từ đầu năm đến nay, UBND huyện đã cử 52 lượt cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng; trong đó: bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp phòng 05; quản lý nhà nước ngạch chuyên viên chính 11; quản lý nhà nước ngạch chuyên viên 04; nghiệp vụ văn thư, lưu trữ 18; phân cấp quản lý 12. Phối hợp với Sở Nội vụ tổ chức tập huấn về nghiệp vụ văn, thư lưu trữ cho 72 công chức, viên chức phụ trách công tác văn thư, lưu trữ của các cơ quan, đơn vị.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính, chấp hành nghiêm giờ giấc làm việc, văn hóa công sở, nâng cao chất lượng giải quyết công việc đúng tiến độ, đảm bảo chất lượng. Đã ban hành Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 10/01/2023 về việc kiểm tra kỷ luật, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở năm 2023; Công văn số 179/UBND ngày 08/02/2023 về đẩy mạnh kỷ cương, kỷ luật hành chính và nâng cao hiệu quả, hiệu lực hoạt động bộ máy quản lý nhà nước.

- Trong 6 tháng đầu năm, UBND huyện đã bổ nhiệm 18 lượt công chức, viên chức lãnh đạo, quản lý (bổ nhiệm mới 01, bổ nhiệm lại 10, điều động bổ nhiệm 06, kéo dài thời gian giữ chức vụ 01).

5. Cải cách tài chính công

- Tiếp tục thực hiện các quy định về quản lý tài chính - ngân sách tại địa phương theo quy định. Đến nay tiến độ, thu ngân sách nhà nước của địa phương theo HĐND tỉnh giao được 31.980.178.000/206.650.000.000đ, đạt 15,47%; đã giải ngân vốn đầu tư công 20.784.000.000/149.499.000.000đ, đạt 13,9%.

- Kết quả thực hiện quy định về quản lý, sử dụng tài sản công: UBND huyện đã ban hành Chỉ thị 01/CT-UBND ngày 03/01/2023 về thực hiện đầu tư công năm 2023; Báo cáo số 23/BC-UBND ngày 10/02/2023 về kết quả giải ngân vốn đầu tư công năm 2022; Báo cáo số 44/BC-UBND ngày 28/02/2023 về tình hình quản lý, sử dụng tài sản công năm 2022; Kế hoạch số 40/KH-UBND ngày 08/02/2023 về kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện ngân sách và kế hoạch vốn đầu tư công năm 2023 trên địa bàn huyện Quảng Điền.

- Kết quả thực hiện cơ chế tự chủ tài chính, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí: UBND huyện đã ban hành Quyết định số 18/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 về quy định quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng kinh phí quản lý hành chính đối với cơ quan hành chính nhà nước năm 2023 theo Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 09/01/2023 về giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp giai đoạn 2023 - 2025 theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP ngày 21/6/2021 của Chính phủ.

- UBND huyện đã ban hành Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 18/01/2023 về công bố công khai dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 huyện Quảng Điền; Kế hoạch số 53/KH-UBND ngày 22/02/2023 về thu ngân sách nhà nước năm 2023 trên địa bàn huyện.

6. Xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền số

- Tiếp tục thực hiện Chương trình số 1354/CTTr-UBND ngày 02/6/2022 về chương trình tổng thể CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn huyện Quảng Điền giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 95/KH-UBND ngày 29/4/2022 về việc triển khai số hóa kết quả giải quyết TTHC đang còn hiệu lực thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND huyện giai đoạn 2022 - 2025; Kế hoạch số 202/KH-UBND ngày 22/12/2022 của UBND huyện về chuyển đổi số huyện Quảng Điền năm 2023; Chỉ thị số 12/CT-UBND ngày 28/12/2022 về đẩy mạnh CCHC gắn với chính quyền số, dịch vụ đô thị thông minh trên địa bàn huyện.

- Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương ban hành văn bản điện tử có chữ ký số thông qua Hệ thống quản lý văn bản và điều hành, liên thông 3 cấp (từ cấp xã đến cấp tỉnh) trong hoạt động quản lý nhà nước (trừ các văn bản Mật theo quy định).

- Thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC cho tổ chức, công dân qua phần mềm Xử lý dịch vụ công tập trung; tăng cường thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ TTHC trực tuyến, trong 6 tháng đầu năm đã tiếp nhận và giải quyết hồ sơ trực tuyến 1496/3638 hồ sơ, đạt 41,1%.

- Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn ISO 9001:2015 đã được các cơ quan cấp huyện và UBND cấp xã áp dụng đồng bộ. UBND huyện đã ban hành Kế hoạch số 12/KH-UBND ngày 10/01/2023 về triển khai xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện Quảng Điền năm 2023, Quyết định số 448/QĐ-UBND ngày 13/3/2023 về phê duyệt Kế hoạch đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 tại UBND huyện Quảng Điền năm 2023.

- UBND huyện đã tổ chức triển khai thực hiện tốt, có hiệu quả hợp tác trực tuyến với cấp trên và UBND cấp xã. Xây dựng mô hình Trung tâm Giám sát, điều hành thông minh huyện trên cơ sở kế thừa, chia sẻ về hạ tầng và các dịch vụ đô thị thông minh của Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh tỉnh Thừa Thiên Huế (Trung tâm IOC tỉnh). Tiếp tục chỉ đạo xã Quảng Thọ duy trì có hiệu quả Đề án triển khai thí điểm xây dựng mô hình “Xã thông minh”.

- UBND huyện đã chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương triển khai thực hiện và hướng dẫn Nhân dân cài đặt các ứng dụng như ví điện tử trên Hue-S, VNeID, tạo tài khoản trên dịch vụ công Quốc gia... để góp phần xây dựng và phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền số.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Mặt tích cực

- Các văn bản triển khai thực hiện phục vụ công tác chỉ đạo điều hành CCHC năm 2023 đã được các phòng ban chuyên môn chủ động tham mưu UBND huyện ban hành cơ bản đầy đủ và kịp thời theo quy định. Đồng thời, được ký số và ban hành luân chuyển trên môi trường mạng.

- Công tác tuyên truyền về CCHC ngày phong phú, đa dạng và đi vào chiều sâu góp phần nâng cao nhận thức của người dân về CCHC. Từ đó, tỷ lệ người dân giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính trực tuyến ở các cấp ngày càng tăng, đặc biệt ở cấp xã đạt 59,9%.

- Kịp thời chấn chỉnh những tồn tại, hạn chế trong công tác tham mưu CCHC đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương; kịp thời biểu dương những tập thể, cá nhân hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ CCHC của địa phương.

2. Hạn chế, khuyết điểm và nguyên nhân

2.1. Hạn chế, khuyết điểm

- Lãnh đạo một số cơ quan, đơn vị, địa phương chưa quan tâm đúng mức đối với công tác CCHC.

- Hồ sơ giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức vẫn còn tình trạng trễ hạn, nhất là lĩnh vực đất đai.

- Tỷ lệ hồ sơ TTHC tiếp nhận và giải quyết trực tuyến ở Trung tâm Hành chính công huyện tuy đã có chiều hướng tăng so với năm 2022 nhưng vẫn chưa đạt mục tiêu kế hoạch đề ra, hiện chỉ đạt 41,1%.

- Cơ sở vật chất đáp ứng cho CCHC chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ.

2.2. Nguyên nhân

- Nhận thức của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức về CCHC chưa thật sự đầy đủ.

- Sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương còn thiếu chặt chẽ.

- Kinh phí phân bổ hàng năm cho các cơ quan, đơn vị trong việc trang cấp trang thiết bị phục vụ công tác CCHC vẫn còn hạn chế.

IV. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ CÒN LẠI TRONG NĂM 2023

1. Tiếp tục thực hiện đồng bộ, hiệu quả kế hoạch CCHC gắn với chính quyền số và dịch vụ đô thị thông minh năm 2023. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền CCHC, nâng cao ý thức trách nhiệm, trình độ năng lực chuyên môn, thái độ ứng xử cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn. Đôn đốc các cơ quan, đơn vị, địa phương tham dự đầy đủ Hội thi tìm hiểu trực tuyến công tác CCHC năm 2023.

2. Thực hiện tuyên truyền phổ biến, giáo dục pháp luật và theo dõi tình hình thi hành pháp trên địa bàn theo kế hoạch đề ra.

3. Thực hiện tốt công tác kiểm soát, rà soát TTHC, kịp thời phát hiện, đề xuất cấp có thẩm quyền bãi bỏ các loại giấy tờ không cần thiết, rút ngắn thời gian giải quyết một số TTHC. Đồng thời, thực hiện nghiêm việc tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị liên quan đến các quy định hành chính.

4. Nâng cao chất lượng hoạt động của Trung tâm Hành chính công huyện và Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại các xã, thị trấn. Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng người dân, tổ chức thực hiện giải quyết TTHC trực tuyến, thực hiện chứng thực điện tử, cài đặt VEiD... để góp phần xây dựng chính quyền điện tử, chính quyền số. Đồng thời, hạn chế đến mức thấp nhất các hồ sơ trễ hạn.

5. Tiếp tục triển khai quy định về trách nhiệm công khai xin lỗi người dân, tổ chức khi để xảy ra trễ hẹn trong giải quyết hồ sơ TTHC; thực hiện tốt việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; thực hiện nghiêm việc khảo sát mức độ hài lòng của người dân theo Quyết định số 2709/QĐ-UBND ngày 17/11/2017 của UBND tỉnh ban hành quy định khảo sát lấy ý kiến mức độ hài lòng trong giải quyết TTHC ở các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh.

6. Tiếp tục thực hiện tốt việc quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động trên địa bàn. Quyết định giao chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp năm 2023 đảm bảo quy định. Rà soát, sắp xếp, tinh gọn bộ máy và kiện toàn tổ chức của các cơ quan hành chính, các đơn vị sự nghiệp theo quy định tại Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 và Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng. Đẩy mạnh việc thực hiện tinh giản theo Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 17/4/2015 của Bộ Chính trị; triển khai thực hiện Đề án số 2090/ĐA-UBND ngày 30/8/2022 về tinh giản biên chế giai đoạn 2022 - 2025 khi được UBND tỉnh phê duyệt.

7. Tiếp tục rà soát đề ban hành và đề nghị ban hành theo thẩm quyền quy định chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn cấp huyện, đơn vị sự nghiệp. Xây dựng Đề án vị trí việc làm của các cơ quan chuyên

môn trình UBND tỉnh phê duyệt và chỉ đạo đơn vị sự nghiệp xây dựng đề án vị trí việc làm.

8. Tiếp tục thực hiện các giải pháp để thực hiện thu ngân sách địa phương đảm bảo theo kế hoạch HĐND tỉnh giao và giải ngân vốn đầu tư công đảm bảo đúng tiến độ. Thực hiện đồng bộ các giải pháp để kêu gọi thu hút đầu tư trên địa bàn huyện được hiệu quả.

9. Tiếp tục kiểm tra việc thực hiện kỷ luật, kỷ cương hành chính theo Kế hoạch số 10/KH-UBND ngày 10/01/2023 và hoàn thành kiểm tra công tác CCHC năm 2023 theo Kế hoạch số 09/KH-UBND ngày 10/01/2023 nhằm kịp thời phát hiện, chấn chỉnh những hạn chế, thiếu sót, góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của bộ máy chính quyền các cấp.

10. Chỉ đạo cơ quan được giao chủ trì xây dựng thực hiện các nhiệm vụ theo kế hoạch CCHC năm 2023 đảm bảo chất lượng, kịp thời để làm tài liệu kiểm chứng chấm điểm chỉ số CCHC năm 2023. Đồng thời, tiến hành chấm điểm CCHC các cơ quan chuyên môn, tự chấm điểm chỉ số CCHC huyện năm 2023 và thẩm định, chấm điểm chỉ số CCHC cấp xã theo phân công của Sở Nội vụ đảm bảo thời gian quy định.

V. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh tiếp tục quan tâm hỗ trợ kinh phí để UBND cấp xã nâng cấp trang thiết bị tại Bộ phận Tiếp nhận và trả kết quả hiện đại nói riêng và phục vụ công tác CCHC nói chung.

2. Đề nghị Sở Nội vụ tham mưu UBND tỉnh tiếp tục mở các lớp tập huấn chuyên môn, nghiệp vụ về công tác CCHC, trong đó tập trung vào công tác tiếp nhận và giải quyết TTHC; rà soát, kiểm soát TTHC; triển khai ứng dụng các phần mềm dùng chung của tỉnh; việc xây dựng và áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015 vào giải quyết TTHC.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện công tác cải cách hành chính 6 tháng đầu năm 2023 và phương hướng, nhiệm vụ còn lại trong năm 2023 của UBND huyện Quảng Điền./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND huyện;
- Các cơ quan, ban ngành cấp huyện;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu: VT, NV.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Ngọc Bảo

DANH SÁCH CÁC PHỤ LỤC

(Ban hành kèm theo Báo cáo số: 159/BC-UBND ngày 08/6/2023 của UBND huyện Quảng Điền)

Phụ lục 2

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Số văn bản chỉ đạo CCHC đã ban hành (Kết luận, chỉ thị, công văn chỉ đạo, quán triệt)	Văn bản	03	
2.	Tỷ lệ hoàn thành Kế hoạch CCHC năm (Lũy kế đến thời điểm báo cáo)	%	40	
2.1	Số nhiệm vụ đề ra trong kế hoạch	Nhiệm vụ	33	
2.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành	Nhiệm vụ	13	
3.	Kiểm tra CCHC			
3.1	Số phòng đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.2	Số UBND cấp xã đã kiểm tra	Cơ quan, đơn vị		
3.3	Tỷ lệ xử lý các vấn đề phát hiện qua kiểm tra	%		
3.3.1	Số vấn đề phát hiện qua kiểm tra	Vấn đề		
3.3.2	Số vấn đề phát hiện đã xử lý xong	Vấn đề		
4	Thực hiện nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao			
4.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ	114	
4.2.	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ	103	
4.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ	05	
4.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ	06	

5	Thực hiện nhiệm vụ UBND huyện, Chủ tịch UBND huyện giao			
5.1	Tổng số nhiệm vụ được giao	Nhiệm vụ		
5.2	Số nhiệm vụ đã hoàn thành đúng hạn	Nhiệm vụ		
5.3	Số nhiệm vụ đã hoàn thành nhưng quá hạn	Nhiệm vụ		
5.4	Số nhiệm vụ quá hạn nhưng chưa hoàn thành	Nhiệm vụ		
6	Khảo sát sự hài lòng của người dân, tổ chức	Có = 1; Không = 0	1	
6.1	Số lượng phiếu khảo sát	Số lượng	1416	
6.2	Hình thức khảo sát	Trực tuyến = 0 Phát phiếu = 1 Kết hợp = 2	2	
7	Tổ chức đối thoại của lãnh đạo với người dân, cộng đồng doanh nghiệp	Không = 0 Có = 1	1	

Phụ lục 3

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỂ CHẾ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tổng số VBQPPL do địa phương ban hành	Văn bản	18	
1.1.	Số VBQPPL do cấp huyện ban hành	Văn bản	07	
1.2.	Số VBQPPL do cấp xã ban hành	Văn bản	11	
2.	Kiểm tra, xử lý VBQPPL			
2.1.	Số VBQPPL đã kiểm tra theo thẩm quyền	Văn bản	07	
2.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau kiểm tra	%		
2.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau kiểm tra</i>	<i>Văn bản</i>	0	
2.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		
3.	Rà soát VBQPPL			
3.1.	Số VBQPPL đã rà soát thuộc thẩm quyền	Văn bản		
3.2.	Tỷ lệ xử lý VBQPPL sau rà soát	%		
3.2.1.	<i>Tổng số VBQPPL cần phải xử lý sau rà soát</i>	<i>Văn bản</i>		
3.2.2.	<i>Số VBQPPL có kiến nghị xử lý đã được xử lý xong</i>	<i>Văn bản</i>		

Phụ lục 4

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Thống kê TTHC			
1.1.	Số TTHC đã được phê duyệt phương án đơn giản hóa	Thủ tục		
1.2.	Số TTHC công bố mới	Thủ tục	179	
1.3.	Số TTHC bãi bỏ, thay thế	Thủ tục	173	
1.4.	Tổng số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết tại địa phương	Thủ tục	523	
1.4.1.	<i>Số TTHC cấp tỉnh (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>		
1.4.2.	<i>Số TTHC cấp huyện (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	390	
1.4.3.	<i>Số TTHC cấp xã (Bao gồm cả TTHC của cơ quan ngành dọc)</i>	<i>Thủ tục</i>	133	
2.	Thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông			
2.1.	Số TTHC liên thông cùng cấp	Thủ tục	189	
2.2.	Số TTHC liên thông giữa các cấp chính quyền	Thủ tục	76	Cấp huyện: 55 Cấp xã: 21
2.3.	Số TTHC đã thực hiện tiếp nhận và giải quyết hồ sơ không phụ thuộc vào địa giới hành chính	Thủ tục	0	
3.	Kết quả giải quyết TTHC			
3.1.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do các sở, ngành tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%		
3.1.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.1.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>		
3.2.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp huyện tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	98	
3.2.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	3204	

3.2.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	3171	
3.3.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC do UBND cấp xã tiếp nhận được giải quyết đúng hạn	%	99,5	
3.3.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã giải quyết xong</i>	<i>Hồ sơ</i>	8507	
3.3.2.	<i>Số hồ sơ TTHC giải quyết đúng hạn</i>	<i>Hồ sơ</i>	8470	
3.4.	Tỷ lệ giải quyết phản ánh, kiến nghị (PAKN) về quy định TTHC	%	0	
3.4.1.	<i>Tổng số PAKN đã tiếp nhận (trực tiếp hoặc do cơ quan có thẩm quyền chuyển đến)</i>	<i>PAKN</i>	0	
3.4.2.	<i>Số PAKN đã giải quyết xong</i>	<i>PAKN</i>		

Phụ lục 5

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TỔ CHỨC BỘ MÁY

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Sắp xếp, kiện toàn tổ chức bộ máy			
1.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%		
1.2.	Tỷ lệ UBND cấp huyện đã hoàn thành việc sắp xếp các phòng chuyên môn đáp ứng các tiêu chí theo quy định của Chính phủ	%	100	11/11 phòng
1.3.	Số lượng các ban quản lý trực thuộc UBND cấp tỉnh	Ban		
1.4.	Số tổ chức liên ngành do cấp tỉnh thành lập	Tổ chức		
1.5.	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập (ĐVSNCL) tại địa phương	Cơ quan, đơn vị	50	
1.5.1.	Số ĐVSNCL thuộc UBND tỉnh	Cơ quan, đơn vị		
1.5.2.	Số ĐVSNCL thuộc sở, ngành và tương đương	Cơ quan, đơn vị		
1.5.3.	Số ĐVSNCL thuộc UBND cấp huyện	Cơ quan, đơn vị	50	
1.5.4.	Tỷ lệ ĐVSNCL đã cắt giảm so với năm 2015	%	10	Năm 2015: 55
2.	Số liệu về biên chế công chức			
2.1.	Tổng số biên chế được giao trong năm	Người	78	
2.2.	Tổng số biên chế có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	78	
2.3.	Số hợp đồng lao động làm việc tại các cơ quan, tổ chức hành chính	Người	05	Hợp đồng theo ND111
2.4.	Số biên chế đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	00	
2.5.	Tỷ lệ phần trăm biên chế đã tinh giản so với năm 2015	%	9,3	Năm 2015: 86 Năm 2023: 78

3.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị sự nghiệp công lập			
3.1.	Tổng số người làm việc được giao	Người	1501	
3.2.	Tổng số người làm việc có mặt tại thời điểm báo cáo	Người	1448	
3.3.	Số người đã tinh giản trong kỳ báo cáo	Người	00	
3.4.	Tỷ lệ % đã tinh giản so với năm 2015	%	4,27	Năm 2015: 1568 Năm 2023: 1501

Phụ lục 6

BIỂU MẪU THÔNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH CHẾ ĐỘ CÔNG VỤ

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Vị trí việc làm của công chức, viên chức			
1.1.	Số cơ quan, tổ chức hành chính đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	11/11	
1.2.	Số đơn vị sự nghiệp đã được phê duyệt vị trí việc làm theo quy định	Cơ quan, đơn vị	50/50	
1.3.	Số cơ quan, tổ chức có vi phạm trong thực hiện vị trí việc làm phát hiện qua thanh tra	Cơ quan, đơn vị	00	
2.	Tuyển dụng công chức, viên chức			
2.1.	Số công chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	00	
2.2.	Số công chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	00	
2.3.	Số cán bộ, công chức cấp xã được xét chuyển thành công chức cấp huyện trở lên	Người	00	
2.4.	Số viên chức được tuyển dụng (thi tuyển, xét tuyển)	Người	00	
2.5.	Số viên chức được tuyển dụng theo trường hợp đặc biệt	Người	00	
3.	Số lượng lãnh đạo quản lý được tuyển chọn, bổ nhiệm thông qua thi tuyển (Lũy kể từ đầu năm)	Người	00	
4.	Số lượng cán bộ, công chức, viên chức bị kỷ luật (cả về Đảng và chính quyền)		00	
4.1.	Số lãnh đạo cấp tỉnh bị kỷ luật	Người		
4.2.	Số lãnh đạo cấp sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	00	
4.3.	Số lãnh đạo cấp phòng thuộc sở, ngành và UBND cấp huyện bị kỷ luật	Người	00	
4.4.	Số người làm việc hưởng lương từ NSNN tại các đơn vị SNCL bị kỷ luật	Người	00	

Phụ lục 7

BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO CẢI CÁCH TÀI CHÍNH CÔNG

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Tỷ lệ thực hiện Kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công	%	13,9	
1.1.	Kế hoạch được giao	Triệu đồng	149.499	
1.2.	Đã thực hiện	Triệu đồng	20.784	
2.	Thực hiện tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp (ĐVSN) tại địa phương (lũy kế đến thời điểm báo cáo)			
2.1.	Tổng số ĐVSN công lập tại địa phương	Đơn vị	50	
2.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên và chi đầu tư	Đơn vị		
2.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	01	
2.4.	Số ĐVSN tự bảo đảm một phần chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.1.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 70% - dưới 100% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.2.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 30% - dưới 70% chi thường xuyên	Đơn vị		
2.4.3.	Số ĐVSN tự bảo đảm từ 10% - dưới 30% chi thường xuyên	Đơn vị	01	
2.5.	Số ĐVSN do Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên	Đơn vị	48	
2.6.	Số lượng ĐVSN đã chuyển đổi thành công ty cổ phần (lũy kế đến thời điểm báo cáo)	Đơn vị	0	

Phụ lục 8

**BIỂU MẪU THỐNG KÊ SỐ LIỆU BÁO CÁO XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN
CHÍNH QUYỀN ĐIỆN TỬ, CHÍNH QUYỀN SỐ**

STT	Chỉ tiêu thống kê	Kết quả thống kê		Ghi chú
	<i>(Sử dụng trong kỳ báo cáo hàng quý, 6 tháng, năm)</i>	Đơn vị tính	Số liệu	
1.	Cập nhật Kiến trúc chính quyền điện tử phiên bản mới nhất	Chưa = 0 Hoàn thành = 1	1	
2.	Xây dựng và vận hành Hệ thống họp trực tuyến <i>Liên thông 2 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND các huyện</i> <i>Liên thông 3 cấp: Từ UBND tỉnh - 100% UBND cấp huyện, cấp xã</i>	Chưa có = 0 2 cấp = 1 3 cấp = 2	3	
3.	Tỷ lệ báo cáo định kỳ được gửi, nhận qua Hệ thống thông tin báo cáo quốc gia	%	100	
4.	Triển khai xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP)	Chưa = 0 Đang làm = 1 Hoàn thành = 2	2	
5.	Số liệu về trao đổi văn bản điện tử			
5.1.	Thực hiện kết nối, liên thông các Hệ thống quản lý văn bản điều hành từ cấp tỉnh đến cấp xã			
5.1.1.	<i>Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.2.	<i>Tỷ lệ UBND cấp huyện đã kết nối, liên thông với UBND tỉnh</i>	%	100	
5.1.3.	<i>Tỷ lệ UBND cấp xã đã kết nối, liên thông với UBND huyện.</i>	%	100	
5.2.	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của địa phương <i>(Chỉ thống kê tỷ lệ văn bản được gửi hoàn toàn dưới dạng điện tử; sử dụng chữ ký số, chứng thư số và gửi trên môi trường điện tử).</i>	%		
5.2.1	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của các sở, ban, ngành cấp tỉnh</i>	%		
5.2.2	<i>Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp huyện</i>	%	100	

5.2.3	Tỷ lệ sử dụng văn bản điện tử của UBND cấp xã	%	100	
5.3.	Xây dựng, vận hành Hệ thống thông tin một cửa điện tử tập trung của tỉnh			
5.3.1.	Tỷ lệ sở, ngành đã kết nối liên thông với Hệ thống	%		
5.3.2.	Tỷ lệ đơn vị cấp huyện đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
5.3.3.	Tỷ lệ đơn vị cấp xã đã kết nối liên thông với Hệ thống	%	100	
6.	Cung cấp dịch vụ công trực tuyến			
6.1.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 3	%	100	
6.1.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	116	Cấp huyện: 91 Cấp xã: 25
6.1.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3	Thủ tục	116	
6.1.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	15	
6.2.	Tỷ lệ TTHC đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến mức độ 4	%	100	
6.2.1.	Tổng số TTHC đủ điều kiện cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	300	Cấp huyện: 236 Cấp xã: 64
6.2.2.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4	Thủ tục	300	
6.2.3.	Số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 4 có phát sinh hồ sơ nộp trực tuyến	Thủ tục	42	
6.3.	Tỷ lệ TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	%	100	
6.3.1.	Tổng số TTHC đang cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 của địa phương	Thủ tục	416	Cấp huyện: 327 Cấp xã: 89
6.3.2.	Số TTHC cung cấp trực tuyến mức độ 3 và 4 đã tích hợp, công khai trên Cổng DVC quốc gia	Thủ tục	416	
6.4.	Tỷ lệ hồ sơ TTHC được tiếp nhận trực tuyến mức độ 3 và 4 (Chi thống kê đối với các TTHC mức độ 3 và 4 có phát sinh hồ sơ)	%		Cấp huyện: 41,1 Cấp xã: 59,9

6.4.1.	<i>Tổng số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận (cả trực tiếp và trực tuyến)</i>	<i>Hồ sơ</i>	12200	Cấp huyện: 3638 Cấp xã: 8562
6.4.2.	<i>Số hồ sơ TTHC đã tiếp nhận trực tuyến</i>	<i>Hồ sơ</i>	6633	Cấp huyện: 1496 Cấp xã: 5137
6.5.	<i>Tỷ lệ TTHC được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến</i>	<i>%</i>		
6.5.1.	<i>Tổng số TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính (tất cả các TTHC có phát sinh phí, lệ phí,...)</i>	<i>Thủ tục</i>	100%	
6.5.2.	<i>Số TTHC đã được tích hợp, triển khai thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia hoặc trên Cổng DVC của tỉnh.</i>	<i>Thủ tục</i>	thủ tục có phí, lệ phí, phí thâm định, thuế	